

Di tích kiến trúc nghệ thuật Đô thị cổ Hội An

Đô thị cổ Hội An nằm ở vùng hạ lưu ngã 3 sông Thu Bồn, thuộc vùng đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng 28km về phía Nam; phía Đông giáp biển Đông; phía Nam giáp huyện Duy Xuyên; phía Tây và Bắc giáp huyện Điện Bàn. Thương cảng Hội An được hình thành khoảng thế kỷ XV – XVI, thịnh đạt trong thế kỷ XVII – XVIII, nhưng trước đó rất lâu, vùng đất Hội An đã nằm trong địa bàn phân bố của văn hóa tiền Sa Huỳnh, Sa Huỳnh và còn là một cảng thị trọng yếu của Chăm-pa (từ thế kỷ II – XV). Từ khoảng cuối thế kỷ XV, khu vực Hội An đã có dân cư Đại Việt tới sinh sống, lập làng, người Việt đã sáng tạo ra nhiều ngành nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội nơi đây. Cuối thế kỷ XVI – XVII, người Hoa và người Nhật đã đến đây định cư, giúp cho hoạt động thương nghiệp ở Hội An phát triển mạnh. Với vị trí địa lý thuận lợi cũng như bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa Đàng Trong phát triển tương đối ổn định, Hội An nhanh chóng trở thành đô thị/thương cảng phồn thịnh trong nhiều thế kỷ.

Thời thịnh đạt, Hội An là trung tâm mậu dịch lớn nhất của Đàng Trong và là một trong những thương cảng sầm uất của vùng biển Đông Nam Á. Tàu thuyền của Nhật Bản, Trung Quốc, các nước vùng biển Đông Nam Á và một số nước châu Âu hàng năm cập bến mở hội chợ ở đây từ 4 đến 6 tháng liền. Nhiều kiều dân nước ngoài, nhất là người Hoa, Nhật, đã được chúa Nguyễn cho phép ở lại lập phố, mở cửa hàng buôn bán, mở [khách sạn ở Hội An](#) và được sống theo phong tục riêng. Thế kỷ XVII, Hội An có “phố Nhật”, “phố Khách”, có thương điểm Hà Lan... và trở thành một trung tâm giao lưu kinh tế rộng lớn, một Đô thị – Thương cảng có tầm cỡ quốc tế.

Năm 1999, trong khu phố cổ Hội An đã có 1.360 di tích, với nhiều loại hình, được kiểm kê, bao gồm: 10 di tích khảo cổ, 1.273 di tích kiến trúc – nghệ thuật, 69 di tích lịch sử cách mạng, 08 danh lam thắng cảnh. Các di tích phân bố theo những trục đường truyền thống (nhỏ và hẹp), vừa mang đậm sắc thái địa phương, vừa thể hiện rõ sự giao lưu hội nhập văn hoá mạnh mẽ với các nước phương Đông và phương Tây.

Các di tích khảo cổ thời văn hóa Sa Huỳnh gồm: khu mộ chum và các khu di tích cư trú, trải dài trên các cồn cát chạy dọc bên phải đường tỉnh lộ 538 – Vĩnh Điện đi Hội An, với chiều dài khoảng 2.000m, chiều rộng khoảng 1.000m. Qua khai quật khảo cổ đã phát hiện các mộ chum có niên đại cách ngày nay khoảng 2.000 năm, như khu mộ chum Hậu Xá, khu mộ chum Hậu Xá II, mộ chum An Bang; mộ chum Thanh Chiếm, mộ chum Xuân Lâm. Các di tích cư trú gồm di chỉ Hậu Xá I và di chỉ Đồng Nà. Các di tích còn sót lại từ thời Vương quốc Chăm-pa gồm các phế tích kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc, các giếng cổ của người Chăm, di chỉ Trảng Sỏi I, các bến thuyền của Chăm-pa...

Những di tích kiến trúc trong phố cổ Hội An đều mang đậm dấu ấn xưa cũ vốn có. Kiểu nhà ở phổ biến nhất trong khu vực này thường có mặt bằng dạng hình ống, các nếp nhà liên tiếp nối nhau bởi nhà cầu và sân trời, theo một thứ tự gần như thống nhất, gồm: nhà – sân – nhà. Các nhà đều được làm khung gỗ, xung quanh có tường gạch (một số nếp nhà có vách gỗ). Kết cấu đỡ mái khá đa dạng, như chõng rường – giả thủ, cột trốn – kẻ chuyền, kèo cầu – cánh ác, chõng đấu – con son, đặc biệt có kết cấu “vì vỏ cua” ở hiên, mái thường lợp ngói máng (kiểu âm dương), tường hồi bit đốc có bờ dải uốn lượn mềm mại (kiểu long đình). Trên kiến trúc

thường được chạm khắc trang trí các đề tài truyền thống, với các thủ pháp tạo hình như chạm nổi, chạm thủng, kênh bong. Đặc biệt, trước nhà có hai mắt cửa gỗ, được gắn trên biao cửa ra vào chính.

Tại Hội An, cũng như nhiều địa phương khác của Việt Nam, các dòng họ đều có nơi thờ cúng tổ tiên, gọi là nhà thờ họ, thường được xây dựng như nhà ở, với, hai nếp nối tiếp nhau – nếp ngoài có cấu trúc đỡ mái kiểu chông rường – giả thủ, nếp trong kiểu cột trốn – kẻ chuyền. Hai bên có 2 nhà (tả và hữu) ôm lấy sân. Đình trong khu phố cổ Hội An thường là nơi thờ tiền hiền (những người có công khẩn hoang lập làng hay ông tổ một nghề truyền thống), có niên đại chủ yếu vào khoảng thế kỷ XIX. Kiến trúc của đình thường có mặt bằng chữ Nhất, không có phần chuôi vồ. Kết cấu khung gỗ chủ yếu theo kiểu nhà rường, với vì nóc, cột trốn – kẻ chuyền.

Hội An cũng từng là một trung tâm Phật giáo của Đàng Trong từ khá sớm, với phần nhiều chùa theo dòng Tiểu thừa. Chùa trong phố cổ thường có mặt bằng hình chữ quốc. Hai hành lang chạy dọc cùng với nếp chùa chính ôm lấy sân gạch vuông. Chùa không chỉ thờ Phật, mà còn kết hợp thờ Thánh. Ngoài ra, một số chùa còn từng được sử dụng làm Hội quán, không thuần túy mang tính chất tôn giáo. Chùa ở ngoài khu vực phố cổ thường có mặt bằng hình chữ nhị hoặc chữ đinh. Văn bia trong các chùa phần lớn đều ghi niên đại khởi dựng chùa từ đầu thế kỷ XVIII – XIX, nhưng qua nhiều lần tu sửa, niên đại của các kiến trúc gỗ trong nhiều chùa hiện nay chỉ vào khoảng từ nửa đầu thế kỷ XIX trở về sau.

Hội quán của người Hoa ở Hội An xưa thường được kết hợp ngay trong các ngôi chùa lớn của khu phố cổ. Niên đại khởi dựng khoảng thế kỷ XIX. Chiếc cầu cổ duy nhất còn lại ở Hội An ngày nay là cầu Cầu, còn có tên gọi khác là cầu Nhật Bản. Cầu có kiến trúc gỗ rất đặc biệt. Trên cầu có một ngôi chùa thờ Bắc Đế Trấn Vũ, vì vậy thường gọi là chùa Cầu. Tên chữ của cầu là Lai Viễn kiều, do chúa Nguyễn Phúc Chu đặt năm 1719. Đây là một di tích tiêu biểu của Hội An.

Ngoài các kiến trúc tiêu biểu trên, trong khu phố cổ Hội An còn có di tích mộ cổ, với nhiều loại hình của người Việt, Hoa, Nhật và mộ của người phương Tây. Trong số mộ của người Việt, đáng chú ý nhất là mộ của họ Trần, có niên đại vào cuối thế kỷ XVIII – Mộ hình mu rùa, bằng hỗn hợp vôi, cát, mật mía; bia mộ bằng đá sa thạch hoặc cẩm thạch. Giếng cổ cũng là loại hình di tích khá độc đáo hiện còn tồn tại ở Hội An, với hệ thống liên hoàn, nằm sâu trong quần thể khu phố cổ, dọc theo bờ Bắc của sông Thu Bồn. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, đây là những giếng cổ từ thời cư dân Chăm-pa, với kết cấu bằng đá hoặc gạch, có hình “vành khăn” hay hình “cổ áo”, dưới đáy giếng có 4 thanh đà gỗ lim ghép lại thành hình vuông, lòng giếng có dạng vuông hoặc tròn.

Ngoài những giá trị văn hóa vật thể, phố cổ Hội An còn lưu giữ được nhiều di sản văn hóa phi vật thể, với các lễ hội đang được bảo tồn và phát huy cùng các làng nghề thủ công truyền thống, các món ẩm thực, các dịch vụ du lịch, khách sạn như hệ thống [hotels in Hoi An](#) ... làm cho Hội An ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách quốc tế. Hiện nay, phố cổ Hội An – một di sản thế giới ở Việt Nam đã thực sự trở thành nguồn lực của sự phát triển kinh tế – xã hội ở Hội An, có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – du lịch dịch vụ, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân địa phương, qua đó cũng tạo ra những điều kiện thuận lợi để tái

đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di tích một cách bền vững... Với những giá trị lịch sử, văn hoá và khoa học đặc biệt của di tích, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật Đô thị cổ Hội An là di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 1272/QĐ-TTg, ngày 12/8/2009).